CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT PHỤC HÌNH RĂNG

(Ban hành theo Quyết định số 94/2020 /QĐ-TCQTMK ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Quốc tế Mekong)

Mã MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	**Các môn học chung**	**12**	**255**	**98**	**145**	**12**
MH01	Chính trị	2	30	28	0	2
MH02	Pháp luật	1	15	14	0	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	0	29	1
MH04	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	2	45	14	29	2
MH05	Tin học	2	45	14	29	2
MH06	Ngoại ngữ	4	90	28	58	4
II	**Các môn học/mô đun chuyên môn**	**49**	**1380**	**308**	**1015**	**57**
II.1	***Các môn học/mô đun cơ sở***	**14**	**255**	**154**	**87**	**14**
MH07	Giải phẫu hàm mặt cổ ứng dụng	1	15	14	0	1
MH08	Giải phẫu răng	4	90	28	58	4
MH09	Vật liệu nha khoa	2	30	28	0	2
MH10	Cắn khớp	3	60	28	29	3
MH11	Vệ sinh an toàn lao động trong Labo phục hình răng	2	30	28	0	2
MH12	Tổ chức y tế và quản lý Labo phục hình răng	2	30	28	0	2
II.2	***Các môn học/mô đun chuyên môn***	**25**	**615**	**126**	**464**	**25**

Mã MH	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
MH13	Phục hình răng tháo lắp bán phần nền nhựa	5	120	28	87	5
MH14	Phục hình răng tháo lắp toàn phần	6	150	28	116	6
MH15	Phục hình tháo lắp hàm khung kim loại	5	120	28	87	5
MH16	Phục hình cố định	6	150	28	116	6
MH17	Khí cụ chỉnh hình răng mặt	3	75	14	58	3
II.3	***Thực tập***	**8**	**480**	**0**	**464**	**16**
MH18	Thực tập phối hợp lâm sàng phục hình tháo lắp bán phần nền nhựa	1	60		58	2
MH19	Thực tập phối hợp lâm sàng phục hình tháo lắp toàn phần	2	120		116	4
MH20	Thực tập phối hợp lâm sàng phục hình tháo lắp khung kim loại	1	60		58	2
MH21	Thực tập phối hợp lâm sàng phục hình cố định	2	120		116	4
MH22	Thực tập tốt nghiệp	2	120		116	4
II.4	***Môn học tự chọn (chọn 1 trong 2)***	**2**	**30**	**28**	**0**	**2**
MH23	Kỹ năng giao tiếp	2	30	28		2
MH24	Khởi tạo doanh nghiệp	2	30	28		2
Tổng cộng (I+II)		**61**	**1635**	**406**	**1160**	**69**